

**ĐÁNH GIÁ VIỆC SỬ DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ HỌC TẬP (LMS)
CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
TRONG HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC:
TIẾP CẬN TỪ LÝ THUYẾT CHẤP NHẬN CÔNG NGHỆ**

Tiêu Thị Mỹ Hồng¹

Email: tieumyhong@hnue.edu.vn, ORCID: 0000-0003-4939-0460

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/11/2025. Ngày phản biện đánh giá: 07/05/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 20/05/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1292

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm đánh giá việc sử dụng LMS của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trong học tập học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học từ góc nhìn của lý thuyết chấp nhận công nghệ. Nghiên cứu tập trung phân tích ba cấu phần cốt lõi của mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) gồm: tính dễ sử dụng được cảm nhận (PEOU), tính hữu ích được cảm nhận (PU) và thái độ đối với việc sử dụng hệ thống (ATU). Dữ liệu được thu thập từ 738 sinh viên thông qua bảng hỏi khảo sát và được xử lý bằng phần mềm SPSS. Kết quả cho thấy sinh viên nhìn chung có nhận thức tích cực đối với LMS, đặc biệt ở khía cạnh tính dễ sử dụng. Phân tích tương quan chỉ ra rằng PEOU có mối liên hệ mạnh với PU, cả PEOU và PU đều có tương quan đáng kể với ATU. Trong đó, PU có mối liên hệ mạnh nhất với ATU. Kết quả nghiên cứu gợi ý một số hướng cải thiện việc triển khai LMS nhằm nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên.

Từ khóa: Hệ thống quản lý học tập, Chủ nghĩa xã hội khoa học, chấp nhận công nghệ, TAM, LMS

I. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học đã trở thành một xu thế tất yếu trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Trong tiến trình đó, hệ thống quản lý học tập (Learning Management System - LMS) được xem là một công cụ trung tâm hỗ trợ tổ chức, triển khai và quản lý hoạt động dạy học theo hướng linh hoạt, cá nhân hóa và tăng cường tương tác (Yalcin & Kutlu, 2019). Các trường đại học triển khai học trực tuyến đã áp dụng

hệ thống này để nâng cao hiệu quả học tập (Ohliati & Abbas, 2019). Tuy nhiên, hiệu quả của LMS không chỉ phụ thuộc vào hạ tầng công nghệ mà còn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ mức độ chấp nhận và thái độ của người sử dụng, đặc biệt là sinh viên (SV) (Jaupi & Prifti, 2024). Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng thái độ tích cực của người học đối với LMS có liên hệ với hiệu quả học tập và khuynh hướng tiếp tục sử dụng trong tương lai (Jaupi & Prifti, 2024; Mohd Nasir & cộng sự, 2021).

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

Do đó, việc nghiên cứu các yếu tố dẫn đến sự chấp nhận LMS trong SV là vô cùng quan trọng (Alshehri & cộng sự, 2019).

Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN), LMS đã và đang được triển khai với một số học phần, trong đó có học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH). Học phần CNXHKKH mang tính lý luận cao, yêu cầu người học đọc hiểu tài liệu, phân tích và tranh luận học thuật. Do đó, LMS không chỉ đóng vai trò cung cấp nội dung mà còn là môi trường hỗ trợ thảo luận, phản biện và tự học - những yếu tố cốt lõi trong tiếp cận môn học này. Việc tích hợp LMS vào giảng dạy học phần này được kì vọng sẽ tăng cường khả năng tự học, hỗ trợ tương tác và nâng cao hiệu quả học tập. Tuy nhiên, mức độ SV cảm nhận về tính hữu ích và tính dễ sử dụng của hệ thống, cũng như thái độ của họ đối với việc sử dụng LMS trong học phần này vẫn cần được khảo sát và phân tích một cách hệ thống trên cơ sở lý thuyết phù hợp.

Với những nghiên cứu hành vi chấp nhận công nghệ, Mô hình chấp nhận công nghệ (Technology Acceptance Model - TAM) do Davis (1989) đề xuất là một trong những khung lý thuyết nền tảng, có ảnh hưởng rộng rãi và được kiểm chứng trong nhiều bối cảnh khác nhau, đặc biệt là trong giáo dục. Việc vận dụng TAM vào nghiên cứu sự chấp nhận LMS trong học phần CNXHKKH có thể cung cấp căn cứ khoa học để nhà trường và giảng viên điều chỉnh cách thức triển khai LMS, nâng cao trải nghiệm học tập và thúc đẩy thái độ tích cực của SV đối với việc sử dụng công nghệ trong học tập.

Để thực hiện được mục tiêu trên, nghiên cứu này tập trung trả lời ba câu hỏi cấu trúc sau:

1. Mức độ cảm nhận của SV về tính dễ sử dụng của LMS trong học phần CNXHKKH được thể hiện như thế nào?

2. Tính dễ sử dụng có ảnh hưởng đến tính hữu ích mà SV cảm nhận đối với LMS hay không và ở mức độ nào?

3. Tính hữu ích và tính dễ sử dụng tác động như thế nào đến thái độ của SV đối với việc sử dụng LMS trong học tập học phần CNXHKKH?

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Hệ thống quản lý học tập

Hệ thống quản lý học tập được định nghĩa là một ứng dụng phần mềm hoặc công nghệ dựa trên web được sử dụng để lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá một quá trình học tập cụ thể (Al-Busaidi & Al-Shihi, 2012). Là nền tảng cốt lõi cho phép các tổ chức giáo dục quản lý tài nguyên, cung cấp nội dung đào tạo và theo dõi hiệu suất của người học (Ghazal & cộng sự, 2018; Yalcin & Kutlu, 2019). Hệ thống này có thể tồn tại dưới dạng mã nguồn mở như Forma LMS, Moodle, Sakai CLE, Moodle, Dokeos Tutor hoặc các phần mềm thương mại như eFront, Blackboard, Brightspace (Al-Busaidi & Al-shihi, 2010; Shannon & Rice, 2017, Jaupi & Prifti, 2024).

Một số nghiên cứu gần đây cho thấy thái độ của SV đối với LMS rất đa dạng tùy thuộc vào khả năng tiếp cận, cơ sở hạ tầng công nghệ, năng lực công nghệ thông tin (Terzioglu & Kurt, 2019), ảnh hưởng từ bạn bè, thầy cô (Alenezi, 2018). Do đó, việc hiểu lý do tại sao SV quyết định sử dụng hoặc từ chối một hệ thống quản lý học tập là điều vô cùng quan trọng để đạt được những kết quả như mong muốn.

2.2. Mô hình chấp nhận công nghệ và giả thuyết nghiên cứu

Mô hình chấp nhận công nghệ được Fred D. Davis (1989) đặt ra tập trung vào hai yếu tố cốt lõi có khả năng dự báo mạnh mẽ việc chấp nhận công nghệ, đó là tính hữu ích được cảm nhận và tính dễ sử dụng được cảm nhận.

Theo Davis (1989), PU được định nghĩa là mức độ mà một cá nhân tin rằng việc sử dụng một hệ thống sẽ nâng cao hiệu quả công việc của họ, còn PEOU là mức độ mà cá nhân tin rằng việc sử dụng hệ thống không đòi hỏi nhiều nỗ lực. Hai biến nhận thức này ảnh hưởng đến thái độ đối với việc sử dụng, từ đó tác động đến ý định và hành vi sử dụng thực tế. Trong cấu trúc nguyên thủy của TAM, PEOU không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến ATU mà còn tác động gián tiếp thông qua PU, bởi một hệ thống càng dễ sử dụng thì càng có khả năng được người dùng đánh giá là hữu ích.

Trong nghiên cứu này, TAM được lựa chọn làm khung lý thuyết trung tâm nhằm phân tích cách thức SV Trường ĐHSPHN đánh giá và hình thành thái độ đối với LMS trong học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học CNXHKKH. Dựa vào khung lý thuyết này, 3 giả thuyết được đặt ra như sau:

H1: Tính dễ sử dụng được cảm nhận (PEOU) có ảnh hưởng tích cực đến tính hữu ích được cảm nhận (PU) của SV đối với LMS.

H2: Tính hữu ích được cảm nhận (PU) có ảnh hưởng tích cực đến thái độ của SV đối với việc sử dụng LMS (ATU).

H3: Tính dễ sử dụng được cảm nhận (PEOU) có ảnh hưởng tích cực đến thái độ của SV đối với việc sử dụng LMS (ATU).

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện đối với SV đại học đang học học phần CNXHKKH tại Trường ĐHSPHN trong học kỳ 3 năm học 2024-2025. Học phần được tổ chức theo lớp học đảo ngược, trong đó LMS được sử dụng như nền tảng trung tâm để cung cấp tài liệu, giao nhiệm vụ, tổ chức thảo luận và hỗ trợ tương tác giữa giảng viên và SV.

Mẫu nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện trên cơ sở toàn bộ SV tham gia học phần trong thời gian khảo sát. Tổng số 738 SV tham gia khảo sát được phân bố tương đối rộng theo giới tính, năm học và mức độ trải nghiệm với hệ thống LMS.

Công cụ thu thập dữ liệu là bảng hỏi khảo sát được xây dựng dựa trên Mô hình TAM. Mỗi biến được đo lường bằng thang Likert 5 mức độ (1 = Hoàn toàn không đồng ý; 5 = Hoàn toàn đồng ý). Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Kết quả kiểm định độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha cho thấy tất cả năm thang đo trong mô hình nghiên cứu đều đạt độ tin cậy cao, với giá trị α dao động từ 0.957 đến 0.968 (xem Bảng 1), chứng tỏ thang đo có mức độ nhất quán nội tại cao. Điều này cho phép khẳng định rằng các thang đo được sử dụng trong nghiên cứu là phù hợp và có thể sử dụng cho các phân tích tiếp theo.

Bảng 1. Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo (Cronbach's Alpha)

Nhóm biến	Mã thang đo	Số lượng biến quan sát	Cronbach's Alpha	Khoảng hệ số tương quan biến tổng hiệu chỉnh
Tính hữu ích được cảm nhận	PU	10	0.959	0.736 - 0.864
Tính dễ sử dụng được cảm nhận	PEOU	10	0.968	0.763 - 0.893
Thái độ đối với việc sử dụng LMS	ATU	7	0.957	0.786 - 0.887

4.2. Kết quả thống kê mô tả

Kết quả cho thấy, SV có nhận thức tích cực và đồng thuận cao đối với tất cả các khía cạnh của hệ thống quản lý học tập với điểm trung bình của các mục dao

động từ 3.44 đến 4.05, phản ánh mức độ cảm nhận khá cao về tính hữu ích, dễ sử dụng, thái độ tích cực sử dụng LMS trong học tập môn CNXHKKH.

Bảng 2. Thống kê mô tả chi tiết các phát biểu trong thang đo

Kí hiệu biến	Nội dung câu hỏi khảo sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
A. Đánh giá sự hữu ích của hệ thống LMS trong học tập môn CNXHKKH			
PU 1	LMS giúp tôi học hiệu quả hơn	3.58	0.93
PU 2	Tôi dễ dàng tiếp cận và sử dụng tài liệu học tập trên LMS.	3.99	0.86
PU 3	Việc sử dụng LMS giúp tôi tiết kiệm thời gian học tập.	3.92	0.93
PU 4	LMS hỗ trợ tôi hệ thống hóa và nắm vững nội dung môn học một cách hiệu quả hơn.	3.72	0.93
PU 5	LMS giúp tôi hoàn thành bài tập và nhiệm vụ học tập của môn học một cách dễ dàng hơn.	3.99	0.89
PU 6	LMS cung cấp các công cụ hỗ trợ giúp tôi cải thiện kết quả học tập.	3.78	0.94
PU 7	LMS giúp tôi duy trì tiến độ học tập một cách ổn định và có kế hoạch hơn.	3.78	0.93
PU 8	LMS giúp tôi nâng cao khả năng tự học và chủ động trong học tập.	3.88	0.91
PU 9	LMS giúp tôi tương tác tốt hơn với giảng viên và bạn học.	3.44	1.09
PU 10	Việc học qua LMS làm cho môn học trở nên hấp dẫn và sinh động hơn.	3.68	0.97
Trung bình		3.78	0.93
B. Đánh giá sự dễ sử dụng của hệ thống LMS trong học tập môn CNXHKKH			
PEOU 1	Tôi có thể sử dụng LMS một cách dễ dàng ngay từ lần đầu tiên.	3.93	0.92
PEOU 2	Các chức năng trên LMS được thiết kế rõ ràng và dễ hiểu.	4.04	0.86
PEOU 3	Giao diện LMS trực quan, giúp tôi thao tác thuận tiện.	4.03	0.86
PEOU 4	Tôi có thể nhanh chóng tìm kiếm tài liệu và bài giảng trên LMS.	4.03	0.88
PEOU 5	Việc hoàn thành bài tập và kiểm tra trên LMS không gây khó khăn cho tôi.	3.89	0.97
PEOU 6	Tôi có thể sử dụng LMS mà không cần hướng dẫn thêm.	3.91	0.92
PEOU 7	LMS giúp tôi thực hiện các thao tác học tập nhanh chóng và dễ dàng.	4.00	0.84
PEOU 8	Tôi nhanh chóng làm quen và sử dụng LMS một cách hiệu quả.	4.05	0.84
PEOU 9	Các tính năng trên LMS phù hợp và thân thiện với SV.	4.04	0.85
PEOU 10	Tôi không mất nhiều thời gian để thành thạo việc sử dụng LMS.	4.03	0.89
Trung bình		4.00	0.90
C. Thái độ đối với việc sử dụng LMS trong học tập môn CNXHKKH			
ATU 1	Tôi thích sử dụng LMS để học môn CNXHKKH.	3.80	0.92

Kí hiệu biến	Nội dung câu hỏi khảo sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
ATU 2	LMS làm cho quá trình học tập của tôi thú vị và hiệu quả hơn.	3.79	0.91
ATU 3	Tôi cảm thấy tự tin khi sử dụng LMS cho việc học.	3.81	0.91
ATU 4	Tôi đánh giá cao cách LMS hỗ trợ việc học tập.	3.86	0.90
ATU 5	LMS là công cụ quan trọng giúp tôi cải thiện kết quả học tập.	3.78	0.93
ATU 6	Tôi thích học qua LMS hơn so với phương pháp truyền thống.	3.59	1.04
ATU 7	Tôi mong muốn tiếp tục sử dụng LMS trong các môn học khác.	3.88	0.94
Trung bình			3.79

Nhóm PU có điểm trung bình $M = 3.78$; $SD = 0.93$, thấp nhất trong các nhóm biến, song vẫn nằm ở mức khá tích cực. SV nhìn nhận LMS là công cụ hỗ trợ học tập hiệu quả, giúp tiết kiệm thời gian, truy cập tài liệu thuận lợi và củng cố kiến thức có hệ thống. Tuy nhiên, mục “*LMS giúp tôi tương tác tốt hơn với giảng viên và bạn học khi học CNXHKH*” (PU9) đang có điểm thấp nhất toàn bảng ($M = 3.44$). Điều này gợi ý rằng chức năng tương tác học thuật trên LMS (thảo luận, phản hồi, phản biện nhóm) vẫn chưa được khai thác tối ưu trong quá trình dạy học đảo ngược. Do đó, kết quả này đặt ra yêu cầu cải thiện trải nghiệm tương tác đồng học và phản hồi của giảng viên trong LMS. Nhóm biến PEOU có điểm trung bình

cao nhất ($M = 4.00$; $SD = 0.90$), cho thấy SV đánh giá LMS là một công cụ thân thiện và thuận tiện trong quá trình học tập. Điểm trung bình của nhóm ATU đạt $M = 3.79$; $SD = 0.94$, phản ánh thái độ tích cực và thiện cảm của SV với việc học tập thông qua LMS. Kết quả này gợi ý rằng vấn đề không nằm ở yếu tố kỹ thuật, mà chủ yếu ở cách khai thác LMS trong tổ chức hoạt động học tập, đặc biệt là trong môi trường học tập rất cần hoạt động thảo luận như học phần CNXHKH.

4.3. Phân tích tương quan giữa các biến trong mô hình

Để kiểm định mối quan hệ giữa các cấu phần của mô hình nghiên cứu, hệ số tương quan Pearson được sử dụng đối với ba biến tiềm ẩn: PEOU, PU và ATU. Kết quả được trình bày ở Bảng 3.

Bảng 3. Ma trận tương quan giữa các biến nghiên cứu trong mô hình

		PEOU	PU	ATU
PEOU	Hệ số tương quan Pearson	1	.740**	.773**
	Giá trị Sig.kiểm định hai phía		.000	.000
	Cỡ mẫu	738	738	738
PU	Hệ số tương quan Pearson	.740**	1	.828**
	Giá trị Sig.kiểm định hai phía	.000		.000
	Cỡ mẫu	738	738	738
ATU	Hệ số tương quan Pearson	.773**	.828**	1
	Giá trị Sig.kiểm định hai phía	.000	.000	
	Cỡ mẫu	738	738	738

**. Tương quan có ý nghĩa thống kê ở mức 0.01, kiểm định hai phía.

Ghi chú: $p < .01$ (kiểm định hai phía).

Mối quan hệ giữa PEOU và PU (H1)

Kết quả cho thấy PEOU có tương quan thuận mạnh với PU ($r = .740$; $p < .01$). Mức độ tương quan này phản ánh mối liên hệ chặt chẽ giữa nhận thức về sự dễ sử dụng và nhận thức về tính hữu ích của LMS. Hệ số $r = .740$ cho thấy khoảng 54.8% phương sai chung giữa hai biến ($r^2 = .5476$), nghĩa là hơn một nửa sự biến thiên trong nhận thức về tính hữu ích có liên quan đến cảm nhận về tính dễ sử dụng. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đây của Fred D. Davis (1989) và các nghiên cứu trong bối cảnh giáo dục đại học, khi đều nhấn mạnh vai trò trung tâm của tính hữu ích trong việc dự báo thái độ và hành vi sử dụng công nghệ. Kết quả này cung cấp bằng chứng thực nghiệm ủng hộ giả thuyết H1.

Mối quan hệ giữa PU và ATU (H2)

PU có tương quan thuận rất mạnh với ATU ($r = .828$; $p < .01$). Đây là hệ số tương quan cao nhất trong mô hình. Với $r^2 = .686$ ($\approx 68.6\%$), có thể thấy gần 70% phương sai của thái độ có liên hệ với nhận thức về tính hữu ích. Điều này phù hợp với các nghiên cứu trước đây trong khuôn khổ Mô hình chấp nhận công nghệ do Fred D. Davis (1989) đề xuất. Nhiều nghiên cứu quốc tế cũng khẳng định rằng PU là yếu tố dự báo quan trọng nhất đối với thái độ và ý định sử dụng công nghệ trong giáo dục đại học (Yalcin & Kutlu, 2019; Mohd Nasir & cộng sự, 2021). Kết quả này cho thấy khi người học nhận thức rõ giá trị mà hệ thống mang lại cho quá trình học tập, họ có xu hướng hình thành thái độ tích cực và sẵn sàng sử dụng hệ thống hơn. Kết quả này củng cố mạnh mẽ giả thuyết H2.

Mối quan hệ giữa PEOU và ATU (H3)

PEOU cũng có tương quan thuận mạnh với ATU ($r = .773$; $p < .01$). Với $r^2 \approx .597$, khoảng 59.7% phương sai của thái độ có liên hệ với cảm nhận về tính dễ sử dụng. Điều này cho thấy sự dễ sử dụng của LMS đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành thái độ tích cực. Khi SV không gặp rào cản kỹ thuật, họ có xu hướng cảm thấy thoải mái, tự tin và hứng thú hơn khi học tập qua hệ thống.

Tuy nhiên, khi so sánh mức độ tác động giữa hai biến độc lập đến ATU, ta có thể thấy PU có mức độ ảnh hưởng mạnh hơn PEOU. Điều này gợi ý rằng trong giai đoạn SV đã quen với công nghệ học tập, yếu tố quyết định nhất thái độ không còn là dễ hay khó sử dụng, mà là hệ thống có thực sự mang lại giá trị học tập hay không. Do đó, giả thuyết H3 được chấp nhận, nhưng với mức độ tác động thấp hơn H2.

V. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu này đã đánh giá việc sử dụng LMS trong học tập học phần CNXHKH của SV Trường ĐHSPHN từ góc nhìn của lý thuyết TAM. Thông qua việc phân tích các cấu phần cốt lõi của mô hình TAM nghiên cứu đã góp phần làm rõ cách thức SV tiếp nhận và đánh giá một hệ thống quản lý học tập số trong bối cảnh triển khai học tập kết hợp. Trong bối cảnh học tập các học phần lý luận như CNXHKH, nơi người học cần chủ động tiếp cận tài liệu và tham gia thảo luận học thuật, LMS có thể đóng vai trò như một môi trường hỗ trợ hiệu quả cho quá trình tự học và tổ chức hoạt động học tập.

Từ góc độ thực tiễn, nghiên cứu gợi ý rằng việc phát triển và triển khai LMS trong giáo dục đại học không chỉ cần

chú trọng đến hạ tầng công nghệ mà còn cần quan tâm đến trải nghiệm của người học. Cụ thể, các nền tảng LMS cần được thiết kế theo hướng thân thiện, dễ sử dụng và gắn kết chặt chẽ với các hoạt động học tập thực chất nhằm tăng cường nhận thức về giá trị học tập của hệ thống. Đồng thời, giảng viên cần khai thác LMS như một công cụ hỗ trợ các hoạt động học tập tương tác, đặc biệt trong mô hình lớp học đảo ngược, để phát huy vai trò của người học như chủ thể tích cực của quá trình học tập.

Tài liệu tham khảo

- Al-Busaidi, K. A., & Al-Shihi, H. (2012). Key factors to instructors' satisfaction of learning management systems in blended learning. *Journal of Computing in Higher Education*, 24(1), 18-39. <https://doi.org/10.1007/s12528-011-9051-x>
- Al-Busaidi, K., & Al-Shihi, H. (2010). Instructors' acceptance of learning management systems: A theoretical framework. *Communications of the IBIMA*, Vol. 2010, 1-10. <https://doi.org/10.5171/2010.862128>
- Alenezi, A. (2018). Barriers to participation in learning management systems in Saudi Arabian universities. *Education Research International*, 2018(1), 1-8. <https://doi.org/10.1155/2018/9085914>
- Alshehri, A., Rutter, M. J., & Smith, S. (2019). An implementation of the UTAUT model for understanding students' perceptions of learning management systems. *International Journal of Distance Education Technologies*, 17(3), 1-24. <https://doi.org/10.4018/ijdet.2019070101>
- Davis, F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. *MIS Quarterly*, 13(3), 319-340. <https://doi.org/10.2307/249008>
- Ghazal, S., Al-Samarraie, H., & Aldowah, H. (2018). "I am still learning": Modeling LMS critical success factors for promoting students' experience and satisfaction in a blended learning environment. *IEEE Access*, 6, 77179-77201. <https://doi.org/10.1109/access.2018.2879677>
- Jaupi, F., & Prifti, R. (2024). Factors affecting undergraduates' behavioral intention to use the learning management systems. *Journal of Educators Online*, 21(3). <https://doi.org/10.9743/jeo.2024.21.3.7>
- Mohd Nasir, F. D., Hussain, M. A., Mohamed, H., Mohd Mokhtar, M. A., & Abdul Karim, N. (2021). Student satisfaction in using a learning management system (LMS) for blended learning courses for tertiary education. *Asian Journal of University Education*, 17(4), 442. <https://doi.org/10.24191/ajue.v17i4.16225>
- Ohliati, J., & Abbas, B. S. (2019). Measuring students satisfaction in using learning management system. *International Journal of Emerging Technologies in Learning (iJET)*, 14(04), 180. <https://doi.org/10.3991/ijet.v14i04.9427>
- Shannon, L. Y., & Rice, M. (2017). Scoring the open source learning management systems. *International Journal of Information and Education Technology*, 7(6), 432-436. <https://doi.org/10.18178/ijiet.2017.7.6.907>
- Terzioglu, Y., & Kurt, M. (2019). A meta-analysis study: Barriers to learning management systems in EFL classrooms. *Journal of ELT Research*, 4(2), 189-204.
- Yalcin, M. E., & Kutlu, B. (2019). Examination of students' acceptance of and intention to use learning management systems using extended TAM. *British Journal of Educational Technology*, 50(5), 2414-2432. <https://doi.org/10.1111/bjet.12798>

EVALUATING STUDENTS' USE OF THE LEARNING MANAGEMENT SYSTEM (LMS) IN THE SCIENTIFIC SOCIALISM COURSE AT HANOI NATIONAL UNIVERSITY OF EDUCATION: A TECHNOLOGY ACCEPTANCE MODEL APPROACH

Tieu Thi My Hong¹

Abstract: *This study aims to examine students' use of the LMS in the Scientific Socialism course at Hanoi National University of Education from the perspective of the Technology Acceptance Model (TAM). The study focuses on three core TAM constructs: perceived ease of use, perceived usefulness, and attitude toward using the LMS. Data were collected from 738 students through a questionnaire survey and analyzed using SPSS. The results indicate that students generally have positive perceptions of the LMS, particularly regarding its ease of use. Correlation analysis shows that PEOU is strongly associated with PU, and that both PEOU and PU are significantly correlated with ATU. Among these variables, PU shows the strongest relationship with ATU. The findings suggest several ways to improve LMS implementation in order to enhance student learning outcomes.*

Keywords: *Learning management system, Scientific Socialism, Technology Acceptance Model, TAM, LMS*

¹ Hanoi National University of Education, Hanoi, Vietnam